

a. Giáo dục chính qui: (formal education)

Loại hình này được xác định rõ tiêu chí, mục đích, các phương pháp thực hiện, giáo trình, thời gian, các phương pháp kiểm tra đánh giá đồng thời dự tính những điều kiện để hoàn thành một khoá học, một chương trình hay nhiều khoá học

Đây là loại hình cơ bản nhất có tính liên tục, qui mô nguồn kinh phí lớn đặc biệt là yêu cầu đạt tiêu chuẩn chất lượng của đối tượng đào tạo và hạ tầng cơ sở. Chất lượng đào tạo của lực lượng này có ảnh hưởng quan trọng nhiều mặt: đối với cơ cấu lực lượng lao động chủ yếu của một quốc gia, với việc hoạch định chính sách đường lối sách lược, chiến lược phát triển

Hệ thống giáo dục chính qui trong khu vực được chia thành 4 cấp học: mầm non, tiểu học, trung học, sau trung học.

Giáo dục mầm non, mẫu giáo (Pre-school education)

Lứa tuổi của cấp học này dao động từ 1 đến 6 tuổi thậm chí đến 7 tuổi như ở Indônêxia và thấp nhất là 5 tuổi ở Mianma. Chương trình học được thiết kế mục đích chính cho trẻ làm quen không khí, không gian trường lớp cùng các biện pháp nhằm hỗ trợ cho sự phát triển hài hoà thể chất, trí tuệ, tình cảm và nhận thức ban sơ về xã hội trước khi học chính thức ở cấp tiểu học.

Giáo dục mầm non, mẫu giáo hầu hết là không bắt buộc, độ tuổi cũng khác biệt, khi học phụ thuộc vào từng địa phương cụ thể như: nhà trẻ của công ty,

xí nghiệp, làng bản, cụm dân cư cần thành lập trường, lớp nếu yêu cầu phát sinh. Nước ta hiện nay, một số nơi thuộc địa bàn thành phố chia cấp học này thành 3 cơ sở: Nhà trẻ nhận trẻ em từ 3 tháng đến 3 tuổi, trường lớp mẫu giáo nhận trẻ em từ 3 đến 6 tuổi và trường mầm non là kết hợp giữa nhà trẻ và trường mẫu giáo nhận trẻ từ 3 tháng tuổi đến 6 tuổi, theo đó có chương trình cho mỗi cấp độ này. Nhưng trong cả nước, nhìn chung thì đều xem từ 6 tuổi trở xuống chỉ là một giai đoạn học.

Lứa tuổi này thì chăm sóc nuôi dưỡng là chủ yếu do vậy loại hình này trường dân lập chiếm số lượng lớn trong các nước thuộc khối ASEAN: Brunây có 65 trường so với 123 trường công lập, Campuchia có 843 trường (1999), Phillipin có tới 5035 trường mẫu giáo (1993). Đặc biệt Luật giáo dục quốc gia Thái Lan (1999) trao quyền rộng rãi cho giáo dục dân lập, nhà nước làm một trường kiểu mẫu để khuyến khích mọi thành phần tham gia giáo dục ở cấp này.

Giáo dục tiểu học

Bắt đầu học khi 5 tuổi ở Mianma, 7 tuổi ở Indônêxia, các nước còn lại từ 6 tuổi, thời gian học kéo dài 5 năm đối với học sinh Việt Nam, Mianma, Lào và Campuchia và 6 năm ở các quốc gia còn lại. Cấp học này, học sinh chiếm số lượng lớn trong cơ cấu trường lớp, tại Campuchia có 2100 học sinh (1999), Mianma có 5413 (1995), Phillipin là 2160 (1997).

Nội dung chương trình học tập chủ yếu là cung cấp kiến thức cho học sinh gồm: đạo đức qui tắc ứng xử, phát triển

nhận thức cơ bản về đọc viết, chương trình học này là giáo dục phổ cập bắt buộc và miễn phí. Mặc dù là cấp tiểu học mục đích cơ bản tạo cơ sở cho các cấp học cao hơn nhưng cuối cấp này đã phân luồng lao động xã hội. Với trường hợp của Malaixia do tỉ lệ dân cư giữa các tộc người tương đối đồng đều nhau 55% người Malai, 34% người Trung Hoa, 9% là người Ấn Độ, 2% thuộc các thành phần khác. Do vậy cấp tiểu học của Malaixia có 3 loại trường cùng tồn tại: trường quốc gia (dành cho người Malai), trường theo kiểu Trung Quốc (dành cho người Hoa) và trường theo kiểu Tamil (dành cho người gốc Ấn), để bảo tồn và phát huy văn hoá Malai, 2 kiểu trường Tamil và Trung Quốc phải qua một lớp chuyển đổi trước khi học trung học. Theo số liệu thống kê 1999 toàn khu vực có 69.120.502 học sinh tiểu học và 2.684.511 giáo viên, nhiều nhất là Indônêxia 29.236.283 học sinh và 1.327.187 giáo viên, Brunây là quốc gia ít nhất 43.291 học sinh và 2.942 giáo viên và Việt Nam 10.431.337 học sinh và 324.431 giáo viên.

Giáo dục phổ thông: (Secondary education)

Tùy từng nước để phân cấp học này thành 7 năm, 5 năm phổ thông cơ sở và 2 năm phổ thông cấp III như Brunây, Mianma; 3 năm phổ thông cơ sở và 4 năm phổ thông cấp III như Malaixia, Việt Nam và Xingapo; các nước còn lại đều có thời gian học là 6 năm với 3 năm phổ thông cơ sở và 3 năm phổ thông cấp III. Toàn khu vực năm 1999 có 34.481.088 học sinh và 1.771.118 giáo

viên trong đó nước cao nhất là Indônêxia 14.209.794 học sinh và 986.896 giáo viên, nước ít nhất 30.470 học sinh và 2961 giáo viên của Brunây và Việt Nam có 6.642.350 học sinh và 226.491 giáo viên

Phổ thông cơ sở (Lower secondary education)

Nội dung chương trình ở cấp học này nhằm phát triển đạo đức, nhận thức khả năng và kỹ năng cao hơn tiểu học, tạo cho học sinh xác định được những điều cần thiết và yêu thích của chính mình để nhận thức đúng năng lực chung và giáo dục nghề nghiệp; phát triển khả năng trong công việc và thực hành phù hợp với lứa tuổi này. Mặc dù mức độ này có thể trở thành lực lượng để tham gia lao động nhưng tính thực tế của vấn đề này còn bất cập từ nhiều phía. Đây chỉ có thể là định hướng nghề nghiệp và cần một hệ thống trường lớp chính qui trong giáo dục dạy nghề đáp ứng được yêu cầu số lượng học sinh, nắm bắt được nhu cầu thực tế cũng như chất lượng đào tạo. Số lượng học sinh tương đối lớn ở cấp này, Campuchia có 313.000 học sinh (1990), Mianma có 1923 học sinh (1995), Phillipin 5378 học sinh (1997).

+ **Phổ thông cấp III** (Upper secondary education)

Chương trình học tập giai đoạn này cung cấp cho học sinh sự tiến bộ trong nhận thức, những môn học say mê, đạt những yêu cầu cơ bản để có thể học cao hơn, đi làm hoặc tìm một công việc phù hợp cho năng lực của học sinh trong công việc kinh doanh hay lao động phổ

thông, thông qua việc trang bị qui tắc ứng xử, giá trị đạo đức, kỹ năng xã hội cần thiết cho công việc tạo ra một cuộc sống bình thường để hoà nhập xã hội

Đặc biệt ở Malaixia, 4 năm của giáo dục phổ thông cấp III được chia làm hai giai đoạn, mỗi giai đoạn 2 năm trong đó 2 năm cuối được xem là giai đoạn chuẩn bị cho học cao đẳng, đại học.

Giáo dục sau phổ thông : (Higher education)

Giáo dục khu vực giai đoạn này đều chia thành 2 mức đào tạo như sau: Sơ trung cấp, cao đẳng và đại học. Đào tạo sau đại học trình độ thạc sĩ và tiến sĩ

Theo đó có một mạng lưới phù hợp từ các quận huyện, thành phố, tỉnh thu hút học sinh theo trình độ phù hợp, nhưng phần lớn các trường có chất lượng cao vẫn tập trung ở thành phố và nơi đông dân cư. Số lượng sinh viên so với lượng dân cư tương đối đồng đều nhau; Phillippin có 2022 sinh viên và 2876 sinh viên/10 vạn người; Campuchia 8,9 nghìn sinh viên và 82/10 vạn dân. Đây là nguồn lao động có chất lượng cao nhất cho mỗi quốc gia.

Trình độ sơ - trung cấp, cao đẳng cung cấp cho sinh viên những nhận thức và kỹ năng nghề nghiệp ở mức độ trung bình gồm khả năng khi bắt đầu công việc và phát triển công việc kinh doanh. Bậc đại học tạo cho sinh viên một nhận thức cao hơn, các môn học đa dạng hơn đặc biệt là kỹ năng áp dụng lý thuyết vào thực hành để bắt đầu cho việc học cao hơn hay phát triển nghề nghiệp, tạo ra và cung cấp nhận thức để đóng góp cho phát triển quốc gia, có mối liên quan

lớn tới kinh tế - chính trị, văn hoá - xã hội và môi trường, đóng góp thiết thực để nâng cao vai trò đất nước trong cộng đồng quốc tế. So với các cấp học và dân số khu vực, sinh viên chiếm số lượng tương đối ít 6.928.101 và giáo viên là 659.503 người.

Giáo dục sau đại học:

Chương trình này đào tạo cho sinh viên kỹ năng và kiến thức chuyên môn sâu sắc, đề ra mức yêu cầu đòi hỏi sự phấn đấu lớn đặc biệt trong nghiên cứu tìm hiểu, phát triển nhận thức và công nghệ khoa học, khoa học xã hội - nhân văn, đủ năng lực tiếp thu công nghệ hiện đại bên ngoài và kết hợp tri thức trong nước để phát triển kinh tế.

b. Giáo dục bổ túc : (Non- formal)

Loại hình này mềm dẻo hơn trong việc xác định mục tiêu, đối tượng, cách thức thủ tục quản lý, thời gian đào tạo, việc đánh giá kết quả hoàn thành chương trình. Nội dung để đáp ứng cho mỗi đối tượng cá nhân và nhóm người học rất khác biệt.

Đối tượng giáo dục rất đa dạng, khó để định ra một tiêu chí cụ thể, tuy vậy vẫn định ra được theo một số đặc trưng cơ bản; Những người không có cơ hội học tại trường theo hệ chính qui do vậy bị mù chữ; Những người đã học một số năm chính qui nhưng vì một lý do nào đó nên bỏ dở và những người đã tốt nghiệp, đã đi làm vài năm và muốn học tiếp hoặc thêm các ngành khác.

Yêu cầu học tập của mỗi người khác nhau, thêm vào đó sự mất cân đối hoàn toàn giữa giáo dục chính qui và giáo dục bổ túc: thiếu kinh phí, dụng cụ giảng

day và học tập, giáo viên có trình độ tương ứng và những nhà lãnh đạo có trình độ để quản lý loại hình này.

Các quốc gia thành viên thuộc tổ chức SEAMEO đánh giá cao vai trò của giáo dục bổ túc trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Đây là vấn đề chung toàn khu vực nhưng các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, nửa chính phủ (quasi - govermental) tham gia các chương trình giáo dục thuộc loại hình này lại rất khác biệt. Tuy vậy có thể xác định bằng 3 đối tượng: (Hoàn toàn không biết đọc, viết; cần các khoá đào tạo kỹ năng; nâng cao mọi mặt đời sống).

Mức độ tham gia và cung cấp tài chính của các cơ quan hành chính nhà nước mỗi quốc gia ở nhiều mức độ khác nhau, tiêu biểu như Malaisia có tới 9 cơ quan tham gia. Campuchia lại thông qua việc giáo dục tiếng Anh cho trẻ vị thành niên, đồng thời có sự tham gia của Bộ nông nghiệp, Bộ Y tế, Bộ các vấn đề xã hội thông qua việc mở rộng phát triển nông nghiệp, chăm sóc y tế và hướng dẫn kỹ năng lao động. Với Xingapo, Uỷ Ban giáo dục Thanh niên và tổ chức nhân dân đóng vai trò điều hành cho các chương trình đa dạng và rộng khắp giáo dục song ngữ, đa ngôn ngữ. Tuy nhiên hầu hết Bộ giáo dục các quốc gia luôn đóng vai trò chủ đạo.

Việc tuyển lựa và đào tạo cũng khác biệt, Việt Nam, Xingapo, Philippin, Malaisia phụ thuộc hoàn toàn vào thời gian rỗi của đội ngũ giáo viên chính qui, có một số chương trình do thanh niên phát động nhưng lại theo đợt, không có

tính liên tục. Các nước Phật giáo, Thái Lan, Lào, Campuchia các nhà sư đóng vai trò quan trọng trong xoá nạn mù chữ, hướng dẫn tôn giáo và nhiều hoạt động trong hình thức giáo dục này.

Đây là loại hình có qui mô rộng lớn, đa dạng, phức tạp đòi hỏi nhiều cấp nhiều ngành kết hợp tiến hành đồng bộ, tập trung giải quyết theo tình hình từng địa phương.

c. Giáo dục tư túc (Informal education)

Đây là cách học gần như do bản thân người học chủ động, theo khả năng, sự yêu thích, cần thiết và cơ hội phù hợp. Cách thức học tùy theo mỗi môi trường sống và làm việc, qua phương tiện thông tin đại chúng (học từ sách vở, từ bạn bè và từ nhân dân).

Với mục đích bảo đảm cho mọi người có cơ hội học tập liên tục và học suốt đời thì 3 loại hình trên gần như hoà cùng vào nhau theo cơ cấu lứa tuổi. Tuổi thơ được chăm sóc phát triển tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách chuẩn bị sẵn sàng cho trẻ học lớp 1 theo trường lớp, đến tuổi thanh thiếu niên giáo dục đem lại sự năng cao phẩm chất đạo đức, nhận thức những khả năng cần thiết cho công việc và những hoạt động thực tế liên quan đến lứa tuổi. Tuổi thanh niên giáo dục phát triển kết hợp nâng cao đạo đức với nhận thức và khả năng tham gia làm việc nâng cao cuộc sống, phát triển cộng đồng và đất nước. Đặc biệt cho lứa tuổi trưởng thành giáo dục giúp họ thích nghi sự đổi thay của lứa tuổi, hoàn cảnh thực tế để gia nhập cuộc

sống, phát triển cá nhân và đóng góp cho phát triển xã hội.

2. Sự khác biệt

Mặc dù cùng đứng trước nhiều thách thức, có cùng quá trình phát triển với nhiều mặt tương đồng tạo nên tính thống nhất, nhưng mỗi quốc gia cũng có những đặc điểm riêng biệt, thể hiện trong các yếu tố, thành phần xã hội. Thậm chí những yếu tố này không chỉ tạo sự khác biệt trong giáo dục mà còn đóng vai trò then chốt cho sự ổn định, thống nhất quốc gia. Đó là thành phần tộc người, ngôn ngữ, tôn giáo.

2.1 Thành phần dân tộc và ngôn ngữ

Tại các quốc gia Hồi giáo như; Brunây Darussalem, Malaixia, Indônêxia, Xingapo tôn giáo, ngôn ngữ có ý nghĩa đặc biệt. Hồi giáo là một tôn giáo bao trùm lên mọi hoạt động của các quốc gia này; từ cá nhân, tổ chức, văn hoá - chính trị, xã hội... và mọi hoạt động thuộc cộng đồng của tôn giáo này. Nó qui định mọi qui tắc đạo đức ứng xử từ bản thân cá nhân hay tiếp nhận từ bên ngoài, tôn giáo này không chỉ một phần trong hoạt động xã hội mà là thế giới quan riêng biệt của cộng đồng người thuộc tôn giáo này.

Đất nước Brunây Darussalem giữa năm 1994 có số dân 284.500 người, trong đó người Malai 190.600 (chiếm 67%), người bản xứ 17.200 (6%) Bisaya, Dusun, Murut v.v... người gốc Hoa 43.800 (15,4%) và 32.900 thuộc các dân tộc khác. Một nguyên tắc chỉ đạo, kim chỉ nam ở Brunây là tư tưởng MIB

(Malay Islamic Monarchy) "Văn hoá Malay, Hồi giáo, Chính quyền quân chủ" việc thực thi tư tưởng này đảm bảo tính thống nhất trong tinh thần nhân dân, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa giữa ngôn ngữ, văn hóa, tập tục Hồi giáo và thể chế hành chính quốc gia mà mọi người phải tuân thủ. Giáo dục kinh Koran được ưu tiên hàng đầu dù ở trường hay ở giáo đường, mọi học sinh phải học kinh Koran và những bài học về đạo đức Hồi giáo, những lớp học như thế phổ biến ở Brunây. Mọi chương trình học tập và qui định đều do Bộ tôn giáo đề ra, ngoài ra còn có các trường hồi giáo chuyên biệt, trẻ em học ở các trường này từ 9 đến 14 tuổi thường vào trước hoặc sau khi học ở trường bình thường. Do sự phát triển nhanh chóng của công nghiệp dầu mỏ và dịch vụ cần lực lượng lao động nói tiếng Anh nhiều, do vậy trường học kiểu Anh thành lập đầu tiên năm 1951 và thu hút số lượng lớn học sinh vào học.

Trước sự phát triển kinh tế và yêu cầu gìn giữ bản sắc văn hoá theo tư tưởng MIB chính phủ cho thực hiện chính sách giáo dục song song: Sau khi hoàn thành 3 năm ở cấp tiểu học, học sinh được chia làm 2, một sẽ vào học trường kiểu Anh nếu đạt kết quả tốt vào cuối năm thứ 3, số còn lại thì học tại trường theo kiểu Malay. Chính sách này làm tăng lên nhanh chóng số lượng học sinh trong trường kiểu Anh và nguy cơ bản sắc văn hoá quốc gia bị Âu hoá.

Sau khi độc lập hoàn toàn 1984 hệ thống giáo dục song song bị bãi bỏ thay bằng một hệ thống khác mà tiếng Anh và tiếng Malay được xem là song ngữ,

theo đó những môn nghệ thuật dạy bằng tiếng Malay còn các môn khoa học thì dạy bằng tiếng Anh. Để thực hiện được những mục tiêu đề ra, chính phủ xem MIB là định hướng nội dung cho mọi môn học ở tất cả các cấp từ tiểu học đến đại học bắt đầu từ năm 1986. Thể hiện trong các môn học ở sơ cấp tiểu học (lower primary) bài học được chia làm 4 chủ đề: Tình cảm gia đình, tính cách và thái độ, nhà trường, đất nước Brunây Darussalam. Mức cao hơn (upper primary) theo 3 chủ đề: Xã hội, quốc gia Brunây Darussalam và phong tục. Trung học thì phát triển cao hơn các nội dung trên đồng thời hướng dẫn kết hợp các môn học khác. Chương trình này ở Đại học Brunây Darussalam là bắt buộc thông qua các môn: lịch sử, văn hoá, giá trị hồi giáo và hệ thống chính trị quốc gia.

Malaixia cũng là một quốc gia đa dân tộc với 55% dân số người Malai, 34% người Hoa, 9% người Ấn Độ, 2% các thành phần dân tộc khác. Malaixia có hơn 80 ngôn ngữ trong đó chủ yếu tiếng Anh, Malay, Mandarin và Tamil, tiếng Malay được dùng trong chợ, hệ thống trường học, văn phòng chính phủ và quốc hội. Tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2 được dạy trong các trường Malay nhưng sử dụng phổ biến trong kinh doanh và giáo dục đại học, tiếng Hoa và tiếng Tamil được nói rộng rãi theo các nhóm dân tộc như: Trung Hoa, India, Arabs, Senoi, Sema...v.v. Ngôn ngữ (cũng như nghệ thuật, ẩm thực, âm nhạc) khái niệm về sự hoà trộn (hoà nhập) như một tiêu chí đánh giá, người Malay trong giao tiếp hàng ngày vay mượn và hoà

trộn từ các ngôn ngữ khác nhau. Tiếng Malay trong lịch sử là một ngôn ngữ tiếp biến từ nhiều ngôn ngữ khác; Arabs, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Trung Hoa và từ các dân tộc thiểu số khác. Luật giáo dục quốc gia 1967 qui định, tất cả các trường học đều phải bắt buộc sử dụng tiếng Malay.

Hiến pháp bảo đảm tự do tín ngưỡng nhưng tôn giáo chính thức là Hồi giáo, thực tế thì người Malay theo đạo Hồi, người Hoa theo Phật giáo, người Ấn Độ theo Hindu, và mỗi dân tộc thiểu số lại theo tôn giáo riêng. Tương tự Brunây Darussalam, cùng với Hồi giáo Malaixia có hệ tư tưởng quốc gia (Rukun negara) 1969 nội dung nêu lên sự công bằng, không phân biệt tôn giáo, duy trì phát triển văn hoá dân tộc, xã hội công bằng và thịnh vượng.

Sự đa dạng chủng tộc và tôn giáo trong đó Hồi giáo và tiếng Malaixia (Bahasa Malaysia) phải học bắt buộc. Ở các tiểu học phân bố thời gian theo 2 giai đoạn trong 1 tuần, ngôn ngữ Malaixia học 780 phút chiếm 57% cả 2 giai đoạn, tiếng Anh 450 phút chiếm 34%. Về giáo dục Hồi giáo và giáo dục đạo đức là 360 phút chiếm 26%. Trung học cơ sở tiếng Malaixia tiếng Anh và giáo dục hồi giáo là 3 trong số 12 Malaixia môn chính và bổ sung tiếng Hoa và tiếng Tamil. Trung học cấp 3 những môn học này cũng là những môn chính bổ sung thêm tiếng Hoa, Tamil, Arabs.

Chính phủ quyết định cho phụ huynh tự do lựa chọn đưa con em mình vào các trường yêu thích (Malaixia, Trung Hoa, Tamil và Arabs) nhưng chính phủ chỉ

ủng hộ 3 trường còn trường Arabs thì không. Nhưng tất cả các trường này đều sử dụng 1 chương trình chung do Bộ giáo dục qui định do vậy sự đa dạng và thống nhất luôn hài hoà. Hồi giáo được giáo dục thông qua các môn học, đặc biệt Malaixia có trường đại học Hồi giáo quốc tế.

Indônêxia cũng tương tự như Malaixia về vai trò rất lớn của định hướng tư tưởng dân tộc Pancasila (gồm 5 nguyên tắc, tin vào 1 chúa duy nhất, 1 đất nước thống nhất, dân chủ và công bằng xã hội). Trong nền giáo dục quốc gia cùng với tư tưởng Pancasila khẩu hiệu (Bhinneka Tunggal Ika) "Unity In Diversity" thống nhất trong đa dạng, theo đó mọi vùng miền trên đất nước Indônêxia áp dụng chương trình giáo dục 80% quốc gia và 20% địa phương. Indônêxia – quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ nên trong luật giáo dục qui định vai trò quan trọng của gia đình trong: dạy về vấn đề tôn giáo, văn hoá, đạo đức và định hướng kỹ năng cho học sinh. Nội dung phải có cho mọi cấp, mọi hình thức học tập đó là: giáo dục Pancasila giáo dục tôn giáo, giáo dục công dân, tiếng Indônêxia tất cả nhằm gìn giữ phát huy văn hoá truyền thống và thống nhất dân tộc Indônêxia.

Xingapo cũng có nhiều điểm tương đồng với Malaixia, Indônêxia. Tại Xingapo tồn tại các loại hình trường lớp theo kiểu Trung Quốc, Malaixia Tamil và một nửa giống kiểu Anh. Sau khi độc lập 1959 chính phủ đưa ra 1 hệ thống trường lớp định theo 3 ngôn ngữ khác nhau nhằm mục tiêu tạo cho công dân

Xingapo có khả năng duy trì bản sắc văn hoá đồng thời có được 1 nền kinh tế công nghiệp hiện đại. Dưới sự cai trị của đế quốc Anh, xã hội Xingapo được chia theo thành phần dân tộc: Người Malay thì trồng trọt, lao động chân tay, người Trung Quốc thuộc tầng lớp thương gia, người Anh thì nắm giữ hành chính. Từ đó chi phí giáo dục và chính sách theo 3 nhóm này. Mặc dù các trường Trung Quốc không được ưu tiên nhưng vẫn có số lượng lớn học sinh theo học (74.104 học sinh - 1952).

Đất nước Xingapo có chính sách đặc biệt để dung hoà các tôn giáo khác nhau: Hồi giáo, Thiên chúa, Phật giáo, Hindu và các tôn giáo thế giới thêm vào đó là tư tưởng Khổng tử, các giáo trình tôn giáo được chính phủ thiết kế nhằm đề cao giá trị đạo đức chứ không đề cập đến xung đột tôn giáo.

2.2 Tôn giáo

Giáo dục Đông Nam Á chịu sự ảnh hưởng rất lớn của Hồi giáo ở Indônêxia, Malaixia, Brunây và một phần ở Xingapo, lý do chính đó là nhiều dân tộc ở cùng 1 nước và 1 ngôn ngữ được nhiều nước sử dụng. Do vậy thường tồn tại giáo dục song ngữ ở các nước này trong đó riêng có Brunây là tồn tại hệ thống giáo dục song song (Dual-Education system) mà đã bị loại bỏ năm 1984 khi Brunây hoàn toàn độc lập.

Các quốc gia Phật giáo: Lào, Campuchia không có sự ảnh hưởng nhiều đối với lĩnh vực giáo dục riêng Thái Lan trong cơ cấu tổ chức của Bộ giáo dục có 2 Trường Đại học Phật giáo: Mahachulalongkorn Rajavidyalaya

University và Mahamakut Buddhist University, hai trường này có chương trình hoạt động độc lập, giới Tăng ni Phật tử ở Thái Lan đóng vai trò quan trọng trong giáo dục bổ túc văn hoá cộng đồng.

Việt Nam không bị tác động của yếu tố tôn giáo trong giáo dục, yếu tố này chỉ được xem như một môn học tìm hiểu về thế giới quan thông qua mỗi tôn giáo. Tôn giáo được dạy trong các trường đại học thuộc ngành khoa học xã hội, luật giáo dục Việt Nam năm 1998 không đề cập đến vấn đề tôn giáo, dù ở Việt Nam ghi nhận tự do tín ngưỡng.

Có nhiều yếu tố tạo sự khác biệt cho giáo dục mỗi quốc gia ASEAN nhưng những yếu tố quyết định nhất là: thể chế chính trị, tôn giáo, ngôn ngữ và sự phân bố tỉ lệ thành phần dân tộc trong mỗi quốc gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Paul Chang .1971 *Comparative Analysis Of Non - Formal Education In Southeast Asia*. Ministers of Education Organization (SEAMEO) member contries. University of Penang.
2. Nghiêm Đình Vĩ . Trịnh Tùng. *Quan hệ hợp tác giáo dục Việt Nam và các nước Đông Nam Á trong giáo dục hiện nay*. Báo cáo tại hội thảo quốc tế (ASEAN hôm nay và ngày mai).
3. Editor : Nguyen Xuan Thu and Tony Adam. *Vietnam Studies Review 1997*. Royal Melbourne Institute of Technology2.
4. *Thai Education In brief. It's Past, Present and Future*. January 2000.
5. *National Education Act B.E 2542 (1999)*. Office of the National Education Commission. Office of the Prime minister. Kingdom of Thailand.
6. *Education in Malaysia*. Briefing notes 18 january 1995.
7. *Tư liệu kinh tế các nước thành viên ASEAN 2001*. Nhà xuất bản thống kê.
8. *Cultures In ASEAN and 21 Century*. Unifress 1998. The Center for the Arts national University of Xingapo.
9. *So sánh cơ cấu hệ thống giáo dục và văn bằng một số nước*. Viện nghiên cứu đại học và giáo dục chuyên nghiệp 1992.
10. *Hướng dẫn về quan hệ quốc tế trong giáo dục và đào tạo 1996*. NXB giáo dục.
11. *Luật giáo dục nước CHXHCNVN1998*. NXB chính trị quốc gia.
12. *Tổng quan về giáo dục Malaixia*. Viện khoa học giáo dục VN. 1994.
13. *Final Report 36th Seamec Conference 2001*.
14. *UNESCO Statistical Yearbook 1999*. Paris, Unesco and Bernan, 1999. II.5 - II.7. Source: *The World Factbook 2001*.